

Số: /QĐ-UBND

Hòa Bình, ngày tháng 10 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống  
cơ quan hành chính Nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý  
của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HOÀ BÌNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 -2025;*

*Căn cứ Quyết định số 1303/QĐ-BKHĐT ngày 20/7/2023 Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và đầu tư tại Tờ trình số 87/TTr-SKHĐT ngày 20/9/2024.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này 14 thủ tục hành chính nội bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình.

*(Có Phụ lục chi tiết kèm theo).*

**Điều 2.** Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh công khai Quyết định này trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh theo quy định. Thời hạn hoàn thành chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm soát TTHC –VPCP;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó CVP/UBND tỉnh;
- Trung tâm TH&CB tỉnh;
- Lưu: VT, NVK (Ng.40b)

**CHỦ TỊCH**

**Bùi Văn Khánh**

Phụ lục 1

THỦ TỤC HÀNH NỘI BỘ THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ  
CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH HÒA BÌNH

(kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 10 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

Phần I. DANH MỤC TTHC NỘI BỘ

TT	TÊN TTHC	LĨNH VỰC	CĂN CỨ PHÁP LÝ	CƠ QUAN THỰC HIỆN
1	Xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương	Quản lý đầu tư công	Luật đầu tư công	Sở Kế hoạch và Đầu tư
2	Xây dựng kế hoạch đầu tư công hằng năm của địa phương	Quản lý đầu tư công	Luật đầu tư công	Sở Kế hoạch và Đầu tư
3	Đề nghị điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Trung ương/vốn ngân sách địa phương	Quản lý đầu tư công	Luật đầu tư công	Sở Kế hoạch và Đầu tư
4	Lập quy hoạch tỉnh	Quy hoạch	- Luật Quy hoạch; - Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch	Sở Kế hoạch và Đầu tư
5	Đề nghị điều chỉnh quy hoạch tỉnh	Quy hoạch		Sở Kế hoạch và Đầu tư
6	Cung cấp thông tin quy hoạch tỉnh	Quy hoạch		Sở Kế hoạch và Đầu tư

7	Lập, phê duyệt bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư.	Đấu thầu lựa chọn nhà thầu trong lựa chọn nhà đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023;</li> <li>- Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp quản lý ngành, lĩnh vực.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ủy ban nhân dân tỉnh.</li> <li>- Sở Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh.</li> </ul>
8	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu (trong lựa chọn nhà đầu tư).	Đấu thầu lựa chọn nhà thầu trong lựa chọn nhà đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ủy ban nhân dân tỉnh.</li> <li>- Sở Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh.</li> </ul>
9	Lựa chọn danh sách ngắn đối với đấu thầu hạn chế (trong lựa chọn nhà đầu tư).	Đấu thầu lựa chọn nhà thầu trong lựa chọn nhà đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023;</li> <li>- Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp quản lý ngành, lĩnh vực.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sở Kế hoạch và Đầu tư.</li> <li>- Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh.</li> </ul>

10	Phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.	Đấu thầu lựa chọn nhà thầu trong lựa chọn nhà đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023;</li> <li>- Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp quản lý ngành, lĩnh vực.</li> </ul>	Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh.
11	Thẩm định, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư.	Đấu thầu lựa chọn nhà thầu trong lựa chọn nhà đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023;</li> <li>- Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp quản lý ngành, lĩnh vực.</li> <li>- Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ủy ban nhân dân tỉnh.</li> <li>- Sở Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh.</li> </ul>

12	Lập, phê duyệt hồ sơ mời quan tâm.	Đấu thầu lựa chọn nhà thầu trong lựa chọn nhà đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023;</li> <li>- Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp quản lý ngành, lĩnh vực.</li> <li>- Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ủy ban nhân dân tỉnh.</li> <li>- Sở Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh.</li> </ul>
13	Trình, phê duyệt và công khai kết quả mời quan tâm.	Đấu thầu lựa chọn nhà thầu trong lựa chọn nhà đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023;</li> <li>- Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp quản lý ngành, lĩnh vực.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ủy ban nhân dân tỉnh.</li> <li>- Sở Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh.</li> </ul>

**Phụ lục 2**  
**NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

---

**A. LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐẦU TƯ CÔNG**

**1. Xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương**

**\* Trình tự thực hiện:** Căn cứ Điều 55 Luật Đầu tư công.

1. Trước ngày 30 tháng 6 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt định hướng, tiêu chí phân bổ mức vốn đầu tư công trung hạn dự kiến cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

2. Trước ngày 31 tháng 7 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, Thủ tướng Chính phủ ban hành chỉ thị về việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau với tổng mức vốn đầu tư công dự kiến bằng tổng mức vốn đầu tư công của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, thông báo tổng mức vốn đầu tư công dự kiến của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương để làm căn cứ quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án giai đoạn sau.

3. Trước ngày 15 tháng 8 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn các bộ, cơ quan trung ương và địa phương về mục tiêu, yêu cầu, nội dung, thời gian, tiến độ lập kế hoạch đầu tư công trung hạn.

4. Căn cứ quy định của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, cơ quan trung ương có trách nhiệm:

a) Giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công hướng dẫn lập kế hoạch đầu tư công trung hạn;

b) Giao cơ quan, đơn vị trực thuộc sử dụng vốn đầu tư công lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau trong phạm vi nhiệm vụ được giao, báo cáo cơ quan cấp trên xem xét theo tiến độ theo quy định của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

c) Giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công tổ chức thẩm định kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau theo tiến độ theo quy định của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

d) Giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công lập kế hoạch đầu tư công trung hạn trình cấp có thẩm quyền xem xét, hoàn chỉnh và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo tiến độ theo quy định của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

5. Căn cứ quy định của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn cho các cơ quan, đơn vị ở địa phương lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau;

b) Giao cơ quan, đơn vị sử dụng vốn đầu tư công tổ chức lập, thẩm định kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau trong phạm vi nhiệm vụ được giao và nguồn vốn thuộc cấp mình quản lý, báo cáo cơ quan cấp trên xem xét và gửi cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công cấp tỉnh;

c) Tổ chức thẩm định hoặc giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công cấp tỉnh thẩm định kế hoạch đầu tư công trung hạn của sở, ban, ngành thuộc tỉnh;

d) Giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công cấp tỉnh lập kế hoạch đầu tư công trung hạn cấp tỉnh giai đoạn sau, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét;

đ) Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho ý kiến về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau;

e) Hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

6. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tổ chức lập, thẩm định hoặc giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công lập, thẩm định kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau của cấp mình, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp cho ý kiến và gửi Ủy ban nhân dân cấp trên theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều này.

7. Trước ngày 31 tháng 01 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, Chính phủ dự kiến khả năng cân đối ngân sách nhà nước cho chi đầu tư phát triển trong giai đoạn sau.

8. Từ ngày 01 tháng 02 đến ngày 30 tháng 4 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thẩm định kế hoạch và phương án phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

9. Sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, cơ quan trung ương hoàn thiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 30 tháng 6 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

10. Sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Giao Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn của cấp mình, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp cho ý kiến và gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước ngày 31 tháng 5 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước;

b) Giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công cấp tỉnh hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn của cấp mình, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp cho ý kiến trước ngày 15 tháng 6 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước;

c) Hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 30 tháng 6 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

11. Trước ngày 31 tháng 7 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp kế hoạch đầu tư công trung hạn của quốc gia báo cáo Chính phủ.

\* **Cách thức thực hiện:** Trực tuyến

\* **Thành phần, số lượng hồ sơ:** Không quy định

\* **Thời hạn giải quyết:** Chưa quy định

\* **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** UBND cấp tỉnh, các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, các Chủ đầu tư

\* **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

+ Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: HĐND/UBND cấp tỉnh

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền

+ Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, các Chủ đầu tư

\* **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Nghị quyết của HĐND, Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh

\* **Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định

\* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định

\* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Danh mục dự án có thủ tục đầu tư, thuộc đối tượng đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công.

\* **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** Luật Đầu tư công

## **2. Xây dựng kế hoạch đầu tư công hằng năm của địa phương**

\* **Trình tự thực hiện:** Căn cứ Điều 56 Luật Đầu tư công:

1. Trước ngày 15 tháng 5 hằng năm, Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về việc lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm sau, bao gồm mục tiêu, định hướng chủ yếu và giao nhiệm vụ triển khai xây dựng kế hoạch đầu tư công năm sau.

2. Trước ngày 15 tháng 6 hằng năm, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn các bộ, cơ quan trung ương và địa phương kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và mục tiêu, yêu cầu, nội dung, thời gian, tiến độ lập kế hoạch đầu tư công năm sau.

3. Trước ngày 30 tháng 6 hằng năm, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương hướng dẫn cơ quan, đơn vị cấp dưới lập kế hoạch đầu tư công năm sau.

4. Trước ngày 20 tháng 7 hằng năm, các cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công tổ chức lập, thẩm định, tổng hợp kế hoạch đầu tư công năm sau trong



phạm vi nhiệm vụ được giao và nguồn vốn thuộc cấp mình quản lý, báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp.

5. Trước ngày 25 tháng 7 hằng năm, Ủy ban nhân dân báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua dự kiến kế hoạch đầu tư công năm sau.

6. Trước ngày 31 tháng 7 hằng năm, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương hoàn chỉnh dự kiến kế hoạch đầu tư công năm sau, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

7. Trước ngày 15 tháng 8 hằng năm, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư dự kiến khả năng thu, chi ngân sách nhà nước và chi đầu tư phát triển vốn ngân sách nhà nước kế hoạch năm sau. Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo số vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương (NSTW) dự kiến phân bổ cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương của kế hoạch năm sau.

8. Trước ngày 25 tháng 8 hằng năm, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương hoàn thiện dự kiến kế hoạch đầu tư công năm sau, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

9. Trước ngày 31 tháng 8 hằng năm, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp kế hoạch đầu tư công năm sau của quốc gia báo cáo Chính phủ.

**\* Cách thức thực hiện:** Trực tuyến

**\* Thành phần, số lượng hồ sơ:** Không quy định

**\* Thời hạn giải quyết:** Chưa quy định

**\* Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** UBND cấp tỉnh, các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, các Chủ đầu tư

**\* Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

+ Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: HĐND/UBND cấp tỉnh

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền

+ Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, các Chủ đầu tư

**\* Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Nghị quyết của HĐND, Quyết định của UBND tỉnh

**\* Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định

**\* Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định

**\* Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Danh mục dự án có thủ tục đầu tư, thuộc đối tượng đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công.

**\* Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** Luật Đầu tư công

**3. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn ngân sách Trung ương/vốn ngân sách địa phương**

**\* Trình tự thực hiện:** Căn cứ Điều 67 Luật Đầu tư công và Điều 46 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ sự cần thiết, yêu cầu về tiến độ thực hiện và giải ngân các dự án, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư rà soát, đề xuất phương án điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn ngân sách trung ương của địa phương mình, ngân sách địa phương trình cấp có thẩm quyền quyết định

- Ủy ban nhân dân các cấp quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn ngân sách địa phương để đầu tư giữa các ngành, lĩnh vực, chương trình và trong nội bộ các ngành, lĩnh vực, chương trình của các đơn vị sử dụng các nguồn vốn này và báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền và trách nhiệm sau đây:

a) Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công hằng năm đối với vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu thuộc quản lý của cấp mình nhưng không vượt quá tổng mức vốn đã được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch;

b) Gửi báo cáo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp, theo dõi đối với vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu.

- Hội đồng nhân dân các cấp điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn ngân sách địa phương trong các trường hợp sau đây:

a) Do điều chỉnh mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

b) Do thay đổi đột biến về cân đối thu ngân sách địa phương hoặc khả năng huy động các nguồn vốn của địa phương;

c) Do thay đổi nhu cầu sử dụng hoặc khả năng triển khai thực hiện vốn kế hoạch hằng năm giữa các cơ quan, đơn vị của địa phương.

**\* Cách thức thực hiện:** Trực tuyến

**\* Thành phần, số lượng hồ sơ:** Không quy định

**\* Thời hạn giải quyết:** Thời gian điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hằng năm giữa các dự án trong nội bộ của bộ, cơ quan trung ương và địa phương trước ngày 15 tháng 11 năm kế hoạch

**\* Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** UBND cấp tỉnh, các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, các Chủ đầu tư

**\* Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

+ Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: HĐND/UBND cấp tỉnh

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền

+ Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, các Chủ đầu tư

\* **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Nghị quyết của HĐND, Quyết định của UBND tỉnh

\* **Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định

\* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định

\* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Danh mục dự án có thủ tục đầu tư, thuộc đối tượng đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công.

\* **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** Luật Đầu tư công

## **B. LĨNH VỰC QUY HOẠCH**

### **1. Lập quy hoạch tỉnh**

\* **Trình tự thực hiện:**

a) Cơ quan lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

b) Cơ quan lập quy hoạch lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện nghiên cứu, xây dựng quy hoạch; phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện, nguồn lực, bối cảnh phát triển, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đề xuất các quan điểm chỉ đạo và mục tiêu, các định hướng ưu tiên phát triển làm cơ sở lập quy hoạch;

c) Các cơ quan, tổ chức liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện đề xuất nội dung đưa vào quy hoạch thuộc lĩnh vực phụ trách và gửi cơ quan lập quy hoạch;

d) Cơ quan lập quy hoạch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, xử lý các vấn đề liên ngành, liên huyện nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và hiệu quả của quy hoạch; đề xuất Điều chỉnh, bổ sung nội dung quy hoạch do các cơ quan, tổ chức, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng;

đ) Các cơ quan, tổ chức liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện Điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện nội dung quy hoạch được phân công gửi cơ quan lập quy hoạch;

e) Cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện quy hoạch và gửi lấy ý kiến theo quy định tại Điều 19 của Luật Quy hoạch;

g) Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và hoàn thiện quy hoạch trình Hội đồng thẩm định quy hoạch;

h) Cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện quy hoạch theo kết luận của Hội đồng thẩm định quy hoạch trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

i) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, thông qua quy hoạch trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

\* **Cách thức thực hiện:** Gửi hồ sơ trực tiếp và gửi trên luồng điện tử

\* **Thành phần, số lượng hồ sơ:**

+ Đối với hồ sơ xin ý kiến dự thảo quy hoạch, gồm các tài liệu sau:

- a) Báo cáo quy hoạch;
- b) Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược;
- c) Hệ thống sơ đồ, bản đồ thể hiện nội dung quy hoạch.

Trường hợp quy hoạch có liên quan tới biên giới, hải đảo, vị trí chiến lược về quốc phòng, an ninh, cơ quan lập quy hoạch phải thống nhất với Bộ Quốc phòng và Bộ Công an về nội dung quy hoạch trước khi gửi lấy ý kiến về quy hoạch.

Số lượng gửi hồ sơ xin ý kiến: Gửi tới các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh các địa phương trong vùng và các địa phương liền kề; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và cộng đồng dân cư, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quy hoạch tỉnh.

\* **Thời hạn giải quyết:** Theo quy định tại Nghị định số 37/2019/NĐ-CP của Chính phủ, các cơ quan được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày tính từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến về quy hoạch.

\* **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh các địa phương trong vùng và các địa phương liền kề; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và cộng đồng dân cư, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quy hoạch tỉnh.

\* **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập quy hoạch tỉnh.

\* **Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC:** Các Bộ, ngành, địa phương và các cơ quan liên quan khác

\* **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản phê duyệt hoặc quyết định quy hoạch

\* **Phí, lệ phí (nếu có):** Không

\* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không

\* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không

\* **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** Luật Quy hoạch; Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.

## 2. Cung cấp thông tin quy hoạch

\* **Trình tự thực hiện:** Thông tin về quy hoạch đã được quyết định hoặc phê duyệt phải được cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu, trừ những nội dung liên quan đến bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

\* **Cách thức thực hiện:** Hình thức cung cấp thông tin quy hoạch

+ Cung cấp bằng văn bản hoặc thông tin trực tiếp theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

+ Đăng tải trên trang thông tin điện tử và phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 40 của Luật Quy hoạch.

+ Cung cấp các ấn phẩm về quy hoạch.

\* **Thành phần, số lượng hồ sơ:** Không quy định

\* **Thời hạn giải quyết:** Không quy định

\* **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm cung cấp thông tin về quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh.

+ Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cung cấp thông tin về quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia.

+ Bộ, cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm cung cấp thông tin về quy hoạch ngành quốc gia thuộc thẩm quyền tổ chức lập.

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cung cấp thông tin về quy hoạch tỉnh.

\* **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Bộ Kế hoạch và Đầu tư

\* **Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC:** Các Bộ, ngành, địa phương và các cơ quan liên quan khác

\* **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quy hoạch đã được quyết định hoặc phê duyệt

\* **Phí, lệ phí (nếu có):** Không

\* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không

\* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không

\* **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** Luật Quy hoạch; Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.

### **3. Điều chỉnh quy hoạch tỉnh**

\* **Trình tự thực hiện:**

a) Chính phủ trình Quốc hội quyết định chủ trương điều chỉnh quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia và quy hoạch sử dụng đất quốc gia.

Bộ, cơ quan ngang Bộ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương điều chỉnh quy hoạch ngành quốc gia thuộc thẩm quyền tổ chức lập.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương điều chỉnh quy hoạch vùng.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương điều chỉnh quy hoạch tỉnh.

b) Trình tự, thủ tục điều chỉnh, công bố và cung cấp thông tin điều chỉnh quy hoạch được thực hiện như đối với việc lập, thẩm định, quyết định hoặc phê

duyet, công bố và cung cấp thông tin quy hoạch quy định tại Chương II và Chương III của Luật Quy hoạch.

\* **Cách thức thực hiện:** Trình tự, thủ tục điều chỉnh, công bố và cung cấp thông tin điều chỉnh quy hoạch được thực hiện như đối với việc lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và cung cấp thông tin quy hoạch.

\* **Thành phần, số lượng hồ sơ:** Thành phần và số lượng hồ sơ như thành phần, số lượng hồ sơ của hoạt động lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và cung cấp thông tin quy hoạch

\* **Thời hạn giải quyết:** Thời hạn giải quyết của hoạt động lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và cung cấp thông tin quy hoạch.

\* **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Các Bộ, ngành và địa phương

\* **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Là cơ quan giải quyết thủ tục hành chính của các hoạt động lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và cung cấp thông tin quy hoạch.

\* **Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC:** Các Bộ, ngành, địa phương và các cơ quan liên quan khác

\* **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Là kết quả của hoạt động lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và cung cấp thông tin quy hoạch.

\* **Phí, lệ phí (nếu có):** Không

\* **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không

\* **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không

\* **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** Luật Quy hoạch; Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.

### **C. LĨNH VỰC ĐẤU THẦU TRONG LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ:**

**I. Lập, phê duyệt bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư**

**1. Đối với dự án đầu tư kinh doanh thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo pháp luật về đầu tư**

**1.1 Trình tự thực hiện:**

***a) Bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư phê duyệt đồng thời***

(i) Nhà đầu tư hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 33 của Luật Đầu tư, các khoản 2 và 3 Điều 31 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP đến Sở Kế hoạch và Đầu tư.

(ii) Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của các sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi dự kiến thực hiện dự án và các cơ quan có liên quan

về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó theo quy định tại khoản 6 hoặc khoản 8 Điều 31 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

(iii) Cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư.

(iv) Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định gồm các nội dung thẩm định theo quy định tại khoản 6 hoặc khoản 8 Điều 31 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP; đồng thời lập Bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

(v) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án gồm những nội dung quy định tại khoản 7 Điều 32 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP; đồng thời xem xét phê duyệt Bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP.

***b) Bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư phê duyệt độc lập***

(i) Sau khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án theo quy định tại khoản 7 Điều 32 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

(ii) Sở Kế hoạch và Đầu tư lập Bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

(iii) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét phê duyệt Bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP.

**1.2. Cách thức thực hiện:**

- Trực tiếp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư
- Qua dịch vụ bưu chính công ích (nếu có).

**1.3. Thành phần hồ sơ:**

- Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư do nhà đầu tư đề xuất bao gồm:

+ Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư, gồm cả cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được chấp thuận;

+ Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư;

+ Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư gồm ít nhất một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;

+ Đề xuất dự án đầu tư gồm các nội dung chủ yếu sau: nhà đầu tư hoặc hình thức lựa chọn nhà đầu tư, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ thực hiện, thông tin về hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án và đề xuất nhu cầu sử dụng đất (nếu có), nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án, đánh giá sơ bộ tác động môi trường (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Trường hợp pháp luật về xây dựng quy định lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thì nhà đầu tư được nộp báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thay cho đề xuất dự án đầu tư;

+ Trường hợp dự án đầu tư không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao giấy tờ về quyền sử dụng đất hoặc tài liệu khác xác định quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư;

+ Nội dung giải trình về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện thẩm định, lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ;

+ Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC;

+ Tài liệu khác liên quan đến dự án đầu tư, yêu cầu về điều kiện, năng lực của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật (nếu có).

+ Đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở, khu đô thị, ngoài các nội dung quy định tại điểm d khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 33 Luật Đầu tư, đề xuất dự án đầu tư bổ sung các nội dung: thuyết minh việc triển khai dự án đầu tư đáp ứng mục tiêu, định hướng phát triển đô thị, chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở; dự kiến phân chia dự án thành phần (nếu có); sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư bảo đảm yêu cầu đồng bộ; sơ bộ cơ cấu sản phẩm nhà ở và việc dành quỹ đất phát triển nhà ở xã hội; sơ bộ phương án đầu tư xây dựng, quản lý hạ tầng đô thị trong và ngoài phạm vi dự án. Đối với các dự án đầu tư xây dựng còn lại thì bổ sung dự kiến phân chia dự án thành phần (nếu có);

+ Trường hợp dự án đầu tư do nhà đầu tư đề xuất hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập, trong đó đề xuất lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đấu thầu, ngoài các nội dung quy định tại điểm d khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 33 Luật Đầu tư, đề xuất dự án đầu tư bổ sung sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án theo quy định pháp luật về đấu thầu. Sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án được xác định trên cơ sở tổng mức đầu tư của dự án theo quy định của pháp luật về xây dựng, không bao gồm chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

- Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư do cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập bao gồm:

+ Tờ trình chấp thuận chủ trương đầu tư;

+ Đề xuất dự án đầu tư gồm các nội dung chủ yếu sau: mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư, địa điểm, thời hạn, tiến độ thực hiện, tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; thông tin về hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực



hiện dự án, điều kiện thu hồi đất đối với dự án thuộc diện thu hồi đất, dự kiến nhu cầu sử dụng đất (nếu có); đánh giá sơ bộ tác động môi trường (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; dự kiến hình thức lựa chọn nhà đầu tư và điều kiện đối với nhà đầu tư (nếu có); cơ chế, chính sách đặc biệt (nếu có).

Trường hợp pháp luật về xây dựng quy định lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền được sử dụng báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thay cho đề xuất dự án đầu tư.

#### **1.4. Số lượng hồ sơ: 04 bộ hồ sơ.**

#### **1.5. Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của các sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi dự kiến thực hiện dự án và các cơ quan có liên quan.

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Trong thời hạn 16 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định trình UBND cấp tỉnh.

- Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư.

- Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày văn bản phê duyệt được ban hành, Cơ quan có thẩm quyền tổ chức thực hiện đăng tải Bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

#### **1.6. Cơ quan thực hiện:**

- Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận hồ sơ, lấy ý kiến thẩm định và lập báo cáo thẩm định.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư.

#### **1.7. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

- Nhà đầu tư;

#### **1.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo Mẫu A.II.1 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT hoặc Văn bản thông báo từ chối chấp thuận chủ trương đầu tư (nêu rõ lý do).

- Bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư.

#### **1.9. Lệ phí: Không.**

#### **1.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư theo Mẫu A.I.1 ban hành kèm theo Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT;

- Đề xuất dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập (Điểm b khoản 2 Điều 33 Luật Đầu tư) theo Mẫu A.I.2 ban hành kèm theo Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT.

- Đề xuất dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do nhà đầu tư đề xuất (Điểm d khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư) theo Mẫu A.I.3 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT.

### **1.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:**

Dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

### **1.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023;
- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021;
- Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024;
- Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024;
- Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021;
- Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023.

## **2. Đối với dự án đầu tư kinh doanh không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo pháp luật về đầu tư**

### **2.1. Trình tự thực hiện**

(i) Nhà đầu tư lập hồ sơ đề xuất dự án. Nhà đầu tư chịu mọi chi phí lập hồ sơ đề xuất dự án;

(ii) Nhà đầu tư nộp 04 bộ hồ sơ đề xuất dự án cho Sở Kế hoạch và Đầu tư. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao một cơ quan chuyên môn tổng hợp, xem xét hồ sơ đề xuất dự án của nhà đầu tư;

(iii) Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày được giao nhiệm vụ, cơ quan, đơn vị xem xét sự phù hợp của hồ sơ đề xuất dự án, trình người có thẩm quyền phê duyệt thông tin dự án đầu tư kinh doanh;

(iv) Cơ quan có thẩm quyền tổ chức thực hiện đăng tải thông tin dự án đầu tư kinh doanh do nhà đầu tư đề xuất trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày văn bản phê duyệt được ban hành.

### **2.2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp bằng văn bản.

### **2.3. Thành phần hồ sơ**

a) Các nội dung trong hồ sơ đề xuất dự án đầu tư kinh doanh của nhà đầu tư gồm thông tin quy định tại các điểm b, c, d và e khoản 2 Điều 47 của Luật Đầu

thầu và các nội dung quy định tương ứng tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư, cụ thể gồm:

(i) Theo quy định tại điểm b, c, d và e khoản 2 Điều 47 của Luật Đấu thầu:

- Tên dự án; mục tiêu; quy mô đầu tư; vốn đầu tư;
- Địa điểm thực hiện dự án; hiện trạng sử dụng đất, diện tích khu đất thực hiện dự án; mục đích sử dụng đất; các chỉ tiêu quy hoạch được duyệt;
- Thời hạn, tiến độ thực hiện dự án; sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần (nếu có); tiến độ thực hiện dự án theo từng giai đoạn (nếu có);
- Nội dung khác có liên quan.

(ii) Theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư:

- Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư, gồm cả cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được chấp thuận;
- Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư;
- Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư gồm ít nhất một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư.

b) Yêu cầu về hình thức: Hồ sơ đề xuất dự án bảo đảm đồng bộ, thống nhất nội dung với thông tin dự án đầu tư kinh doanh thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, đồng thời giản lược các thông tin để bảo đảm không phát sinh nhiều chi phí chuẩn bị của nhà đầu tư.

#### **2.4. Số bộ hồ sơ: 04 bộ.**

#### **2.5. Thời hạn giải quyết**

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao một cơ quan, đơn vị trực thuộc tổng hợp, xem xét hồ sơ đề xuất dự án của nhà đầu tư.

- Sau khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cơ quan, đơn vị tổng hợp, xem xét hồ sơ đề xuất dự án của nhà đầu tư, trong thời hạn 25 ngày, cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ xem xét sự phù hợp của hồ sơ đề xuất dự án, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thông tin dự án đầu tư kinh doanh.

- Cơ quan có thẩm quyền tổ chức thực hiện đăng tải Bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày văn bản phê duyệt được ban hành.

#### **2.6. Cơ quan thực hiện**

- UBND cấp tỉnh;

- Sở Kế hoạch và Đầu tư; cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh (dự án do UBND cấp tỉnh là cơ quan có thẩm quyền).

**2.7. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, Cá nhân.

**2.8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Văn bản phê duyệt thông tin dự án đầu tư kinh doanh.
- Bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư.

**2.9. Lệ phí (nếu có và văn bản quy định về phí, lệ phí):** Không có.

**2.10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm):** Không có.

**2.11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có):** Không có.

**2.12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023;
- Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024;
- Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024.
- Thông tư số 03/2024/TT-BKHĐT ngày 06/03/2024.

## **II. Thủ tục: Thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu (trong lựa chọn nhà đầu tư)**

### **1. Trình tự thực hiện**

(i) Bên mời thầu trình người có thẩm quyền dự thảo hồ sơ mời thầu và các tài liệu liên quan, đồng thời gửi tổ thẩm định;

(ii) Tổ thẩm định thực hiện thẩm định hồ sơ mời thầu theo quy định tại Điều 52 của Nghị định này;

(iii) Người có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ mời thầu bằng văn bản căn cứ tờ trình phê duyệt và báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp bằng văn bản.

**3. Thành phần hồ sơ:**

- Tờ trình đề nghị phê duyệt hồ sơ mời thầu.
- Hồ sơ mời thầu theo quy định tại 48 Luật Đấu thầu.

**4. Số bộ hồ sơ:** 02 bộ.

**5. Thời hạn giải quyết:** Không quy định ngày thực hiện.

**6. Cơ quan thực hiện**

- UBND cấp tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư; cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh (dự án do UBND cấp tỉnh là cơ quan có thẩm quyền).

**7. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, Cá nhân.

**8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản phê duyệt hồ sơ mời thầu.

**9. Lệ phí (nếu có và văn bản quy định về phí, lệ phí):** Không có.

**10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm):** Không có.

**11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có):** Không có.

**12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023;
- Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024;
- Thông tư số 03/2024/TT-BKHĐT ngày 06/03/2024.

### **III. Thủ tục: Lựa chọn danh sách ngắn đối với đấu thầu hạn chế (trong lựa chọn nhà đầu tư)**

#### **1. Trình tự thực hiện**

(i) Bên mời thầu xác định danh sách ngắn gồm: tối thiểu 03 nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu của dự án đầu tư kinh doanh và có nhu cầu tham dự thầu, trình người có thẩm quyền phê duyệt.

(ii) Sau khi phê duyệt, bên mời thầu đăng tải công khai danh sách ngắn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp bằng văn bản.

#### **3. Thành phần hồ sơ:**

- Tờ trình đề nghị phê duyệt danh sách ngắn.
- Tài liệu khác có liên quan.

**4. Số bộ hồ sơ:** 02 bộ.

**5. Thời hạn giải quyết:** Không quy định ngày thực hiện.

#### **6. Cơ quan thực hiện**

- UBND cấp tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư; cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh (dự án do UBND cấp tỉnh là cơ quan có thẩm quyền).

**7. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, Cá nhân.

**8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản phê duyệt danh sách ngắn.

**9. Lệ phí (nếu có và văn bản quy định về phí, lệ phí):** Không có.

**10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm):** Không có.

**11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có):** Không có.

**12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023;

- Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024;
- Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024.

#### **IV. Phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật**

##### **1. Trình tự thực hiện**

(i) Tổ chuyên gia tổ chức đánh giá và xác định nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật trình bên mời thầu xem xét phê duyệt.

(ii) Bên mời thầu xem xét đề nghị phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

(iii) Bên mời thầu thông báo danh sách các nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật đến tất cả các nhà đầu tư tham dự thầu và mời các nhà đầu tư tham dự thầu mở hồ sơ đề xuất về tài chính, trong đó nêu rõ thời gian, địa điểm mở hồ sơ đề xuất tài chính.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp bằng văn bản.

##### **3. Thành phần hồ sơ:**

- Tờ trình đề nghị phê duyệt nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật trình.
- Tài liệu khác có liên quan.

**4. Số bộ hồ sơ:** 02 bộ.

**5. Thời hạn giải quyết:** Không quy định ngày thực hiện.

**6. Cơ quan thực hiện:** Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh (dự án do UBND cấp tỉnh là cơ quan có thẩm quyền).

**7. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, Cá nhân.

##### **8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Văn bản phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.
- Văn bản thông báo danh sách các nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và mời các nhà đầu tư tham dự thầu mở hồ sơ đề xuất về tài chính.

**9. Lệ phí (nếu có và văn bản quy định về phí, lệ phí):** Không có.

**10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm):** Không có.

**11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có):** Không có.

##### **12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023;
- Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024;

#### **V. Thẩm định, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư**

##### **1. Trình tự thực hiện**

(i) Căn cứ báo cáo kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu, bên mời thầu trình người có thẩm quyền kết quả lựa chọn nhà đầu tư, đồng thời gửi tổ thẩm định để tổ chức thẩm định, trong đó nêu rõ ý kiến của bên mời thầu về các nội dung đánh giá của tổ chuyên gia;

(ii) Tổ thẩm định thực hiện thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại Điều 53 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP trước khi phê duyệt;

(iii) Căn cứ nội dung đánh giá của Tổ thẩm định, Bên mời thầu lập tờ trình và báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư trình Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh phê duyệt.

Người có thẩm quyền phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư bằng văn bản căn cứ tờ trình phê duyệt và báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp bằng văn bản.

**3. Thành phần hồ sơ:**

- Tờ trình phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư.
- Tài liệu khác có liên quan.

**4. Số bộ hồ sơ:** 02 bộ.

**5. Thời hạn giải quyết:** Không quy định ngày thực hiện.

**6. Cơ quan thực hiện:** UBND tỉnh; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh (dự án do UBND cấp tỉnh là cơ quan có thẩm quyền).

**7. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, Cá nhân.

**8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư.

**9. Lệ phí (nếu có và văn bản quy định về phí, lệ phí):** Không có.

**10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm):** Không có.

**11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có):** Không có.

**12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023;
- Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024;
- Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024.
- Thông tư số 03/2024/TT-BKHĐT ngày 06/03/2024.

## **VI. Thủ tục: Lập, phê duyệt hồ sơ mời quan tâm**

### **1. Trình tự thực hiện**

(i) Bên mời quan tâm giao tổ chuyên gia lập hồ sơ mời quan tâm theo nội dung quy định tại khoản 2 Điều 38 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP.

Hồ sơ mời quan tâm được lập phải phù hợp với quy định tại các khoản 1,2,3 và 5 Điều 12 Nghị định này.

Hồ sơ mời quan tâm được lập, phê duyệt đồng thời trong quá trình quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư (đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo pháp luật về đầu tư) hoặc trong quá trình lập, phê duyệt thông tin dự án đầu tư kinh doanh (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ

*trương đầu tư*) hoặc sau khi các quyết định này được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(ii) Căn cứ hồ sơ mời quan tâm do tổ chuyên gia lập, Bên mời quan tâm trình Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh phê duyệt.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp bằng văn bản.

**3. Thành phần hồ sơ:**

- Tờ trình phê duyệt đề nghị phê duyệt hồ sơ mời quan tâm.
- Hồ sơ mời quan tâm.
- Tài liệu khác có liên quan.

**4. Số bộ hồ sơ:** 02 bộ.

**5. Thời hạn giải quyết:** Không quy định ngày thực hiện.

**6. Cơ quan thực hiện:** UBND tỉnh; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh (dự án do UBND cấp tỉnh là cơ quan có thẩm quyền).

**7. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, Cá nhân.

**8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Văn bản phê duyệt hồ sơ mời quan tâm.
- Hồ sơ mời quan tâm (đóng dấu của UBND tỉnh).

**9. Lệ phí (nếu có và văn bản quy định về phí, lệ phí):** Không có.

**10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm):** Không có.

**11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có):** Không có.

**12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023;
- Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024;
- Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024.

## **VII. Trình, phê duyệt và công khai kết quả mời quan tâm**

### **1. Trình tự thực hiện**

(i) Căn cứ kết quả đánh giá hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh, bên mời quan tâm trình người có thẩm quyền xem xét, phê duyệt kết quả mời quan tâm và tổ chức lựa chọn nhà đầu tư như sau:

- Trường hợp có từ hai nhà đầu tư trở lên đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời quan tâm thì tổ chức đấu thầu rộng rãi lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại Điều 43 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP;

- Trường hợp chỉ có một nhà đầu tư đăng ký và đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời quan tâm hoặc có nhiều nhà đầu tư đăng ký nhưng chỉ có một nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời quan tâm thì chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư;



- Trường hợp không có nhà đầu tư quan tâm hoặc không có nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời quan tâm, có văn bản thông báo về kết thúc thủ tục mời quan tâm.

(ii) Đối với trường hợp có từ hai nhà đầu tư trở lên đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời quan tâm thì tổ chức đấu thầu rộng rãi lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại Điều 43 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP. Người có thẩm quyền phê duyệt bảng theo dõi tiến độ các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP, trong đó quyết định bên mời thầu, hình thức, phương thức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kinh doanh. Hình thức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư được xác định theo quy định sau:

- Đấu thầu rộng rãi trong nước nếu không có nhà đầu tư nước ngoài nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án hoặc đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời quan tâm theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 11 Luật Đấu thầu;

- Đấu thầu rộng rãi quốc tế nếu có tối thiểu một nhà đầu tư nước ngoài đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời quan tâm.

(iii) Đối với trường hợp không có nhà đầu tư quan tâm hoặc không có nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời quan tâm, có văn bản thông báo về kết thúc thủ tục mời quan tâm, người có thẩm quyền thông báo bằng văn bản về việc kết thúc mời quan tâm và xem xét quyết định thực hiện một trong hai thủ tục sau:

- Thực hiện lại thủ tục mời quan tâm trong thời hạn do người có thẩm quyền quyết định;

- Rà soát, chỉnh sửa hồ sơ mời quan tâm nhưng phải bảo đảm phù hợp với quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc văn bản phê duyệt thông tin dự án và thực hiện lại thủ tục mời quan tâm.

(iv) Căn cứ quyết định của người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 42 Nghị định số 23/2024/NĐ-CP; bên mời quan tâm có trách nhiệm đăng tải kết quả mời quan tâm và Bảng theo dõi tiến độ thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà đầu tư hoặc văn bản thông báo về việc kết thúc thủ tục mời quan tâm trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

**2. Cách thức thực hiện:** Trực tiếp bằng văn bản.

**3. Thành phần hồ sơ:**

- Tờ trình phê duyệt kết quả mời quan tâm.
- Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh.
- Biên bản họp thẩm định của Bên mời quan tâm.
- Tài liệu khác có liên quan.

**4. Số bộ hồ sơ:** 02 bộ.

**5. Thời hạn giải quyết:** Không quy định ngày thực hiện.

**6. Cơ quan thực hiện:** UBND tỉnh; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh (dự án do UBND cấp tỉnh là cơ quan có thẩm quyền).

**7. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, Cá nhân.

**8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư.

**9. Lệ phí (nếu có và văn bản quy định về phí, lệ phí):** Không có.

**10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (đính kèm):** Không có.

**11. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có):** Không có.

**12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023;
- Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024;
- Thông tư số 03/2024/TT-BKHĐT ngày 06/03/2024.